

Bản án số: 262/2025/DS-ST

Ngày: 09/05/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Tốt.
- Ông Nguyễn Văn Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Khôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1012/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 407/2025/QĐHPT-DS ngày 10/4/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Trụ sở: Lầu A, 2 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền thường xuyên: Bà Lê Thị Thu H – Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Đại diện tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Mạnh C – Chức vụ: Nhân viên.
(Có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu X, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: 3 đường T, Khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 20/07/2022 ông X có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng ông X đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 292.365.588 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 133.400.000 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông X vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông X vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) ngày 25/03/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 09/5/2025, ông X còn nợ các khoản sau:

Dư nợ gốc: 321.961.283 đồng.

Lãi quá hạn: 151.031.412 đồng.

Tổng cộng: 472.992.695 đồng.

(Bằng chữ: bốn trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu ông X có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

Buộc ông Nguyễn Hữu X phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 09/5/2025 như đã nêu ở trên.

Và ông Nguyễn Hữu X có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 10/5/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại phiên tòa: Đại diện nguyên đơn xin vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền mà bị đơn còn nợ của nguyên đơn xuất phát từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Căn cứ theo Văn bản trả lời xác minh của Công an phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện bị đơn hiện không còn cư trú tại địa chỉ: số C đường T, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hồ sơ cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Hữu X do Ngân hàng cung cấp thể hiện ông X cư trú tại địa chỉ số C đường T, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, việc bị đơn bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a Khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở pháp lý để kết luận:

Ngày 20/07/2022 ông X có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu

nhập của ông X, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 300.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Căn cứ vào bảng Tóm tắt sao kê ngày 09/5/2025 của Ngân hàng thì ông Nguyễn Hữu X thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 292.365.588 đồng (Hai trăm chín mươi hai triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi tám đồng).

Ông X đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 133.400.000 đồng (Một trăm ba mươi ba triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Tính đến ngày 09/5/2025, ông X còn nợ các khoản sau:

Dư nợ gốc: 321.961.283 đồng.

Lãi quá hạn: 151.031.412 đồng.

Tổng cộng: 472.992.695 đồng.

(Bằng chữ: bốn trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tới làm việc để tham gia hòa giải cũng như xét xử vụ án nhưng đều vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc nêu trên, do đó Tòa án không thể thu thập được chứng cứ từ phía bị đơn. Như vậy thể hiện việc bị đơn đương nhiên chấp nhận việc khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, văn bản, kết luận, của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Qua các lần nhắc nợ bằng văn bản ông X đã không đến Ngân hàng TMCP S để thanh toán là vi phạm nghĩa vụ thanh toán Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng mà ông X và Ngân hàng đã thỏa thuận. Nay, Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông X phải thanh toán hết số nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 09/5/2025 là 472.992.695 (bốn trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi lăm) đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất áp dụng và yêu cầu tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 10/5/2025 cho đến khi trả dứt số nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 20/7/2022: xét thấy, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thì thỏa thuận lãi và mức lãi suất giữa Ngân hàng TMCP S và ông Nguyễn Hữu X là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: do đó yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về dân sự.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi nộp đơn khởi kiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 465, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Buộc ông Nguyễn Hữu X phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi quá hạn tạm tính tới ngày 09/5/2025 là 472.992.695 (Bằng chữ: bốn trăm bảy mươi hai triệu, chín trăm chín mươi hai nghìn, sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Trong đó: Dư nợ gốc: 321.961.283 đồng; Lãi quá hạn: 151.031.412 đồng.

Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Việc giao nhận tiền do các đương sự tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/5/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Hữu X còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ông Nguyễn Hữu X phải thanh toán cho nguyên đơn cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

2. Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Hữu X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.919.708 (hai mươi hai triệu, chín trăm mười chín nghìn, bảy trăm linh tám) đồng. Nộp ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 8.778.218 đồng (Tám triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, hai trăm mười tám đồng) khi nộp đơn khởi kiện theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0049430 ngày 14/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thu Hương